

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 33/2018/DS-PT

Ngày: 02-02-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp về hui

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Tùng.

2. Ông Văn Công Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp về hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2017/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 242/2017/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2017/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Số 87 HV, thị trấn ES, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn A; địa chỉ: Thôn 7, xã ER, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Công X; địa chỉ: Số 87 HV, thị trấn ES, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Trước năm 2014, tôi và bà H cùng nhiều người khác có chơi hội với nhau nhiều lần nhưng đã thanh toán xong. Năm 2014, tôi làm cái nhiều dây hội có cho bà Nguyễn Thị H chơi ba chân hội hình thức như sau: Đây là hội chết, có lãi công khai mỗi tháng xỏ một lần, khi nào xỏ hội người chơi tập trung bỏ phiếu kín, ai bỏ lãi cao được hốt hội, thời gian bắt đầu xỏ đến ngày giao tiền giao động khoảng 15 ngày.

Dây hội thứ 1: Tháng 9/2014 (âm lịch), tôi làm chủ cái dây hội, bà H có chơi hội cùng với một số người khác. Tổng cộng 16 người chơi, mỗi tháng đóng 10.000.000 đồng/ 1 người, nếu ai lấy cuối được nhận 160.000.000đ, thỏa thuận ai bỏ lãi cao nhất thì được hốt hội, bà H là người mua thứ nhất(tức người bỏ lãi cao nhất) với số tiền 2.000.000đ, nên phải chịu lỗ 30.000.000đ và công cho tôi đi thu 2.000.000đ nên số tháng còn lại bà H phải nộp cho tôi là 15 tháng hội chết, mỗi tháng 10.000.000đ, tương đương 150.000.000đ. Ngày 26/9/2014, bà H đã nhận 118.000.000đ. Bà H đã đóng cho tôi từ tháng 10/2014 đến tháng 5/2015 nhưng từ tháng 6/2015 đến tháng 12/2015 bà H không nộp nên dây hội này bà H còn nợ tôi 7 tháng tương đương **70.000.000đ**.

Dây hội thứ 2: Tháng 12 năm 2014 (âm lịch), tôi làm chủ cái dây hội có 13 người tham gia, mỗi người đóng 20.000.000đ/ tháng, ai lấy cuối cùng được nhận 260.000.000đ. Tháng đầu tiên HV là người bỏ lãi cao nhất, tháng thứ hai (Tức tháng 1/2015) bà H bỏ lãi 5.000.000đ nên phải chịu lỗ 55.000.000đ (Tức 11 người còn lại), công cho tôi đi thu tiền hội 4.000.000đ. Ngày 24/01/2015, bà H đã nhận của tôi 181.000.000đ nên phải đóng cho tôi 11 tháng x 20.000.000/tháng =220.000.000đ, bà H đã đóng cho tôi từ tháng 02 đến tháng 05/2015, nhưng từ tháng 6 đến tháng 12/2015, bà H đi chữa bệnh nên không đóng cho tôi, còn nợ tôi 7 tháng tương đương **140.000.000đ**

Dây hội thứ 3: Vào tháng 7 năm 2015 (âm lịch), tôi làm chủ cái với tổng cộng 14 người chơi, mỗi tháng đóng 10.000.000 đồng, bà H là người bỏ lãi cao nhất ở tháng đầu tiên nên sau khi trừ đi tiền bỏ lãi, công của tôi đi thu. Tháng 7/2015, bà H đã hốt của tôi 98.100.000đ. Sau khi hốt bà H phải nộp cho tôi 13 tháng x 10.000.000đ/tháng nhưng dây hội này bà H chưa đóng tháng nào nên còn nợ tôi **130.000.000đ**.

Ngoài ra, tôi có cho vợ chồng bà H, ông A vay tiền làm nhiều lần tính đến ngày 16/7/2015 bà H và ông A viết giấy vay của tôi 64.800.000đ, thời hạn vay 01 năm. Cụ thể:

Ngày 17/6/2015 bà H vay của tôi 150.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 600.000đ/ 1ngày/ 150.000.000đ, tính đến ngày 17/7/2015 x 30 ngày tiền lãi 18.000.000đ, từ ngày 18/7 đến 29/8/2015 x 300.000đ/ngày/150.000.000đ là 43 ngày tiền lãi 12.900.000đ. Bà H đã thanh toán cho tôi 98.100.000đ tiền gốc và 18.000.000đ lãi. Như vậy, tiền gốc còn nợ 51.800.000đ và 12.900.000đ tiền lãi thỏa thuận. Do bà H, ông A khó khăn nên tôi chỉ yêu cầu trả 50.000.000đ, bớt 1.800.000đ gốc và không yêu cầu trả 12.900.000đ lãi đã thỏa thuận, không yêu cầu trả lãi phát sinh.

Tổng cộng tiền vay và tiền hui bà H ông A còn nợ 390.000.000 đồng, yêu cầu bà H, ông A phải trả số tiền trên không đồng ý cho trả dần như bà H và ông A đã đề nghị.

Về lãi suất: Không yêu cầu bà H và ông A phải trả lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà xác nhận vào năm 2015 bà có vay tiền của bà L, ông X như bà L trình bày và hiện tại bà còn nợ bà L và ông X 50.000.000 đồng. Ngoài ra, bà xác nhận có chơi 03 chân hui do bà L làm chủ cái như bà L trình bày là đúng, hiện tại còn nợ lại 03 chân chưa đóng tổng cộng là 340.000.000 đồng. Tổng cộng tiền vay và tiền chơi hui là 390.000.000 đồng. Bà H đề nghị được trả dần cho bà L và ông X làm 04 lần như biên bản hòa giải ngày 07/6/2017. Nay bà L yêu cầu bà trả ngay thì bà không có khả năng thanh toán vì hiện tại hoàn cảnh của bà rất khó khăn không có tiền để trả ngay.

Bị đơn ông Lê Văn A trình bày:

Ông nhất trí sẽ cùng với bà H trả cho bà L số tiền vay và tiền chơi hui là 390.000.000 đồng nếu bà L cho vợ chồng ông trả làm 04 lần như biên bản hòa giải ngày 07/6/2017 vì hiện tại hoàn cảnh gia đình ông rất khó khăn không có tiền để trả ngay. Trường hợp bà L không đồng ý cho ông hẹn trả dần thì ông chỉ công nhận nợ tiền vay và tiền hui là 194.000.000 đồng và không đồng ý trả số tiền còn lại cho bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Công X trình bày:

Ông nhất trí như ý kiến của vợ ông là bà Nguyễn Thị L về số tiền cho vợ chồng bà H và ông A đã vay và tiền chơi hui còn nợ lại tổng cộng là 390.000.000 đồng. Nay ông đề nghị vợ chồng bà H và ông A phải trả tiền ngay cho vợ chồng ông. Về lãi suất ông cũng không yêu cầu.

Tại bản án số 09/2017/DSST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 471; điểm b khoản 1 Điều 688 BLDS 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn A có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L và ông Phan Công X số tiền đã vay là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và 340.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu đồng) tiền nợ hui. Tổng cộng là 390.000.00 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn A còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, và quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2017 bị đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 09/2017/DSST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp. Bà H cho rằng hiện nay bà chỉ còn nợ 200.000.000đồng tiền hụi chứ không phải 340.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm Nguyên đơn bà L giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn bà H giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án HĐXX, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người cùng tham gia chơi hụi tham gia tố tụng là thiếu sót, những người tham gia chơi hụi thỏa thuận hốt hụi với lãi suất quá cao theo quy định tại Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định về hụi, họ, biếu, phường. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bà H hủy một phần bản án sơ thẩm về phần hụi.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Xét hợp đồng vay tiền lập ngày 16/7/2015AL (tức ngày 28/8/2015 DL) HĐXX thấy: các bên đương sự thừa nhận: ngày 16/7/2015, bà H và ông A viết và ký nhận vay của bà L 64.800.000đ, thời hạn vay 01 năm. Nguyên nhân: trước đó, bà H vay tiền của bà L nhiều lần tổng 150.000.000đ, các bên thỏa thuận tính lãi suất cụ thể: Từ ngày 17/6/ đến ngày 17/7/2015, lãi suất thỏa thuận 600.000đ/1ngày/ 150.000.000đ x 30 ngày= 18.000.000đ, từ ngày 18/7 đến 29/8/2015 x 300.000đ/ngày/150.000.000đ x 43 ngày = 12.900.000đ. Bà H đã thanh toán cho bà L 98.100.000đ tiền gốc và 18.000.000đ lãi. Như vậy, bà H, ông A còn nợ 64.800.000đ, trong đó nợ gốc 51.900.000đ, nợ lãi thỏa thuận 12.900.000đ và lãi phát sinh. Quá trình giải quyết vụ án bà L cho rằng do bà H, ông A khó khăn nên bà L chỉ yêu cầu trả 50.000.000đ tiền gốc, rút một phần yêu cầu gồm 1.800.000đ gốc, 12.900.000đ lãi thỏa thuận và không yêu cầu trả lãi phát sinh nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Xét thấy, bà L rút một phần yêu cầu là tự nguyện và có lợi cho vợ chồng ông bà H, ông A nên cần chấp nhận.

Xét thấy, bà H đã thanh toán 18.000.000đ lãi suất theo thỏa thuận của các bên. Bà H không yêu cầu xem xét tính lại lãi suất đã thanh toán nên không đặt ra để giải quyết.

[2] Xét yêu cầu về số tiền nợ hội HĐXX thấy: Tại biên bản làm việc, biên bản đối chất (các bút lục số 111-116, 119-120) và tại phiên tòa phúc thẩm bà H, bà L thừa nhận: Từ trước năm 2014 các bên đã tham gia chơi hội với nhau nhiều lần, bà H đã đóng đầy đủ. Năm 2014, bà L làm cái hội và thỏa thuận cách thức chơi hội: Bà L là chủ hội có trách nhiệm đi thu tiền của những người chơi hội. Hàng tháng người nào có nhu cầu hốt hội thì phải bỏ ra một số tiền lãi, người nào bỏ lãi cao thì người đó sẽ được hốt hội. Số tiền lãi này tất cả các con hội đều được hưởng từ người hốt hội, bà L không được hưởng số tiền người hốt hội bỏ lãi mà chỉ được trả công đi thu tiền hội hàng tháng và chịu trách nhiệm đóng thay cho những người chơi không chịu đóng tiền đầy đủ. Khi bà L thu tiền hội của những người chơi các bên chỉ ghi vào sổ để theo dõi riêng chứ giữa chủ hội và những người chơi không có ký sổ sách hàng tháng. Sau đó, người nào hốt hội thì bà L ghi giấy xác nhận vào sổ của bà L còn khi nào thu chân cuối kết thúc hội thì bà L ghi vào sổ của người chơi. Bà H thừa nhận bỏ lãi cao và đã được hốt ba dây hội, đối với tiền bỏ lãi của ba dây hội thì tất cả những người tham gia cùng được hưởng bà không yêu cầu giải quyết đối với số tiền lãi này và đề nghị Tòa án không triệu tập các con hội của cả ba dây hội tham gia tố tụng. Xét thấy, việc bà H bỏ lãi là sự thỏa thuận của bà H và những người tham gia chơi hội, bà L không được hưởng đối với số tiền bà H bỏ lãi và bản thân bà H không yêu cầu giải quyết đối với số tiền bỏ lãi này và bà H cũng đề nghị Tòa án không triệu tập những người cùng chơi hội vào tham gia tố tụng nên HĐXX không xem xét. Những người tham gia (con hội) cùng tham gia trong ba dây hội cũng không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên không cần thiết phải tham gia tố tụng. Bà H thừa nhận hốt ba dây hội với phương thức và số tiền như bà L trình bày nên cấp sơ thẩm buộc bà H, ông A phải trả tổng 340.000.000 nợ hội là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn HĐXX thấy: Bà H thừa nhận hiện nay chỉ còn nợ của bà L số tiền của hai chân hội như sau:

Tiền hội chưa nộp của dây hội tháng 9/2014 âm lịch là 7 tháng = 70.000.000đồng.

Tiền hội chưa nộp của dây hội tháng 6/2015 âm lịch là 13 tháng = 130.000.000đồng.

Riêng đối với dây hội tháng 12/2014 âm lịch bà H cho rằng sau khi hốt hội hàng tháng bà đã đóng hội đầy đủ cho đến tháng 6/2015 trước khi đi điều trị bệnh bà đóng toàn bộ số tiền còn lại từ tháng 6 đến tháng 12/2015 với số tiền 60.000.000đồng và bà L đã viết giấy xác nhận “Chân cuối ngày 16/7/2015 L thu Hận tiền hội chân cuối là 20 triệu” rồi ký tên L X ở phía dưới nên chân hội này bà không còn nợ bà L nên bà không có nghĩa vụ phải trả. Xét thấy, theo phương thức và thỏa thuận của những người tham gia chơi hội thì người đã được hốt hội hàng tháng phải đóng hội chết cho cái hội. Do đó, bà H cho rằng tháng 6/2015 trước khi đi điều trị bệnh bà đã đóng toàn bộ số tiền hội từ tháng 6 đến tháng 12/2015 (tức 7 tháng) với số tiền 60.000.000đ là không phù hợp với cách thức và thỏa thuận của các bên, hơn nữa nếu bà H đóng đủ 7 tháng hội còn lại thì phải là

140.000.000đ chứ không phải 60.000.000đ, đồng thời không được nguyên đơn thừa nhận nên không có căn cứ để chấp nhận.

HĐXX xét thấy, bà H có cung cấp cho Tòa án một phần của tờ giấy với nội dung bà L xác nhận có thu 20.000.000đồng chân cuối của bà H (bút lục số 37) nhưng phần trên của tờ giấy đã bị bà H xé bỏ nên không đủ căn cứ để xác định số tiền bà L đã thu của bà H có phải là số tiền thanh toán của dây hụi tháng 12/2014 âm lịch hay không vì trong khoảng thời gian 2014-2015 bà H, bà L đều thừa nhận các bên có chơi với nhau một dây hụi khác với số tiền 20.000.000đồng/tháng. Đối với dây hụi này các bên đã thực hiện xong, bà L có viết giấy thu chân cuối cho bà H nhưng bà H trình bày đã xé bỏ nên không có để cung cấp cho Tòa án. Do đó, tài liệu bà H đưa ra không có căn cứ để chứng minh bà H đã đóng đầy đủ dây hụi tháng 12/2014 âm lịch cho bà L.

Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà H, ông A phải trả số nợ tiền hụi tổng 340.000.000đ là có căn cứ, phù hợp với lời thừa nhận của bà L, ông H tại các biên bản hòa giải tại cấp sơ thẩm nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà H mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn trong khi lời khai về các dây hụi, về khoản vay bao gồm cả gốc và lãi giữa các bên còn nhiều mâu thuẫn nhưng không tiến hành đối chất, xác minh làm rõ là thiếu sót tuy nhiên cấp phúc thẩm đã khắc phục, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Từ nhận định trên HĐXX xét thấy không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H – giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1] Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2017/D-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn A có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L và ông Phan Công X tổng số tiền 390.000.000đồng. Trong đó, nợ tiền vay 50.000.000đồng, nợ tiền hụi 340.000.000đồng.

Bà L không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L, ông Phan Công X có đơn yêu cầu thi hành án, bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn A còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

[2]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 26, điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn A phải chịu 19.500.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí là 10.125.000đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ES theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040673 ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004231 ngày 02/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ES, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Súp;
- Chi cục THADS huyện ES;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền

